TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/DS-ST
Ngày 28-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng
Ông Phan Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 131/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, Sinh năm: 1982 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Đường V, khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh C
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Tháng 11/2021 bà Nguyễn Thị Thu H có mua cừ tràm của ông số tiền 335.038.000 đồng. Đến ngày 19/02/2022 chị H trả cho ông được 140.000.000 đồng số tiền còn lại bà H còn thiếu 195.038.000 đồng, bà H hẹn đến tháng 3 trả nhưng không trả. Đến ngày 25/4/2022 bà H trả cho ông được 25.000.000 đồng còn nợ lại 170.038.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà H trả ông tiền thiếu 170.038.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 19/02/2022 đến ngày khởi kiện là 25.500.000 đồng (lãi suất 15%/năm). Tổng số tiền bà H phải trả 195.538.000 đồng.

Bà H trình bày: Tại biên hòa giải ngày 24/3/2023 bà H thừa nhận có mua cừ tràm của ông T còn nợ số tiền 170.038.000 đồng đồng ý trả. Về tiền lãi đồng ý tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 19/02/2022 đến ngày 16/02/2023.

Tại phiên tòa ông T yêu cầu bà H trả cho ông số tiền thiếu 170.038.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 19/02/2022 đến 17/02/2023 là 11 tháng 27 ngày, lãi suất 10%/năm bằng số tiền 16.862.101 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả tiền mua hàng hóa, bà H có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán theo Điều 430 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H đúng quy định.

[2] Về Nội dung: Theo ông T trình bày tháng 11/2021 bà Nguyễn Thị Thu H có mua cừ tràm của ông số tiền 335.038.000 đồng. Đến ngày 19/02/2022 bà H trả cho ông được 140.000.000 đồng số tiền còn lại bà H còn thiếu 195.038.000 đồng, bà H hẹn đến tháng 3 trả nhưng không trả. Đến ngày 25/4/2022 bà H trả cho ông được 25.000.000 đồng còn nợ lại 170.038.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà H trả ông tiền thiếu 170.038.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 19/02/2022 đến nay ngày ông nộp đơn khởi kiện 16/02/2023 là 25.500.000 đồng (lãi suất 15%/năm). Tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà H trả tiền lãi từ ngày 19/02/2022 đến ngày 16/02/2023 lãi suất 10%/năm bằng số tiền 16.862.101 đồng. Tổng số tiền ông yêu cầu bà H phải trả 186.900.101 đồng. Bị đơn bà H thừa nhận có thiếu tiền mua cừ tràm như ông T trình bày là đúng và đồng ý trả số tiền thiếu và đồng ý tính lãi theo quy định.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng ông T cho rằng bà H còn thiếu ông tiền mua tràm số tiền 170.038.000 đồng được bà H thừa nhận, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoảng 3 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã giao đầy đủ hàng hóa theo yêu cầu đặt hàng của bị đơn, do đó bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng hóa cho nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu tính lãi thấy rằng do bị đơn thiếu tiền nguyên đơn không thanh toán theo đúng hạn như hại bên đã thỏa thuận nên bị đơn phải trả lãi trên số tiền 170.038.000 đồng cụ thể từ ngày 19/02/2022 dương lịch đến ngày 16/02/2023 dương lịch là 11 tháng 27 ngày: 170.038.000 đồng x 10%/năm x 11 tháng 27 ngày = 16.862.101 đồng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Như vậy tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn: 170.038.000 đồng + 16.862.101 đồng = 186.900.101 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn số tiền 186.900.101 đồng đồng là đúng quy định.

[5] Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí là 9.345.000 đồng (làm tròn). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số tiền 4.888.000 đồng theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Tươi không phải chịu được nhận lại tiền tạm ứng án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 430, 440 Bộ luật dân sự, và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Thu H. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 186.900.101 đồng *(Một trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm ngàn, một trăm lẽ một đồng)*.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 9.345.000 đồng (làm tròn); Ông Nguyễn Văn T không phải chịu, ngày 16/02/2023 ông T đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 4.888.000 đồng biên lai thu số 0006186 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đối trừ được nhận lại.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len